

MƯỜI BA THẾ KỶ TỒN TẠI CỦA NHÀ NƯỚC BUNGARI

LÊ TRUNG DŨNG

NĂM 1981 là năm có ý nghĩa lịch sử vô cùng trọng đại đối với nhân dân Bungari anh em: kỷ niệm lần thứ 1300 việc thành lập Nhà nước Bungari. Suốt 13 thế kỷ sống gió ấy, trong đó bảy thế kỷ sống dưới ách nước ngoài và chỉ có sáu thế kỷ tự do dân tộc, nhân dân Bungari đã chiến thắng mọi đổi thay, bảo tồn tinh thần, tiếng nói, chữ viết và

nền văn hóa của mình, vươn tới thời đại hoàng kim thật sự, thời đại ngày nay của chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Bài viết này nhằm giới thiệu vài nét về cuộc đấu tranh vô cùng anh dũng, gian khổ ấy của nhân dân Bungari anh em trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước trong 13 thế kỷ qua.



Từ cuối thế kỷ thứ hai và đầu thế kỷ thứ ba sau Công nguyên, người Slavơ từ Đông Âu và Trung Âu đã tràn xuống phía Nam, đến đầu thế kỷ thứ sáu họ vượt qua sông Danuýp và cuối thế kỷ này định cư trên bán đảo Bancăng. Để chống lại chính sách đồng hóa của đế quốc Byđăngtin, họ phải thành lập những liên minh bộ lạc với nhau và đến cuối thế kỷ thứ bảy họ lại liên minh với những bộ lạc thổ dân gọi là người Tiên Bungari. Sau khi đánh bại cuộc tiến công của Hoàng đế Byđăngtin Côngxtantiu đệ tứ Pôgônato, năm 681 họ buộc Hoàng đế này phải ký hòa ước công nhận Bungari là một quốc gia độc lập, tự chủ với Nhà nước Slavơ-Bungari. Sự kiện lịch sử trọng đại ấy đã thu hút sự chú ý của người đương thời, vì đây là lần đầu tiên một hình thái chính trị bền vững được thiết lập ở vùng Bancăng sát nách với đế chế Byđăngtin - Nhà nước mạnh nhất thời đó ở châu Âu. Nhà nước Bungari ra đời đã trở thành trung tâm đoàn kết hai tộc người Slavơ và người Tiên Bungari trong một cộng đồng dân tộc có đủ sức mạnh chống lại những mưu đồ bành trướng của đế quốc Byđăngtin.

Sau khi thành lập được Nhà nước độc lập, tự chủ của mình, trong nhiều thế kỷ các Hoàng đế Bungari đặt mục tiêu chủ yếu cho họ là phải tiếp tục củng cố lực lượng chống lại tên « đại bá » Byđăngtin luôn luôn tìm cách tiêu diệt Nhà nước Bungari, xua đuổi

người Bungari trở lại bên kia sông Danuýp, hoặc đồng hóa họ. Để có thể tồn tại và phát triển trước nanh vuốt của đế quốc Byđăngtin, nhân dân Bungari hết thế hệ này đến thế hệ khác đã phải trải qua những sự hy sinh, gian khổ, không ngừng nêu cao truyền thống bất khuất, kiên cường, tinh thần tiến công liên tục, tiến công để chiến đấu và chiến thắng kẻ địch lớn mạnh hơn mình gấp nhiều lần. Trong khoảng từ năm 755 đến năm 775, Bungari đã đánh bại 9 cuộc tiến công liên tiếp của Byđăngtin. Đặc biệt là vào năm 811, dưới sự chỉ huy của Hoàng đế Khan Crum, quân đội Bungari đã tiêu diệt hoàn toàn đạo quân của đế quốc Byđăngtin cùng với tinh hoa giai cấp quý tộc của nó, kể cả Hoàng đế Byđăngtin Nikipho. Từ chúa Axparukho đến Hoàng đế Ximêôn, nghĩa là từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 10 Nhà nước Bungari đã phát triển vững chắc và ổn định, có uy tín lớn ở châu Âu.

Để bảo vệ nền độc lập của mình, một trong những vấn đề đặt ra cho nhân dân Bungari lúc này là cần phải thống nhất tín ngưỡng trong toàn dân. Bởi lẽ cho tới giữa thế kỷ thứ 9 Bungari vẫn là một quốc gia đa thần giáo. Muốn thắt chặt cộng đồng dân tộc ấy cần phải có một cộng đồng tín ngưỡng (như một thứ ý thức hệ) làm sợi dây tinh thần bền chặt ràng buộc bên trong của một nhà nước trung ương tập quyền. Vào thời ấy đó là Cơ đốc giáo, một thứ cơ sở ý thức hệ của nền

văn minh phong kiến châu Âu. Hoàng đế Khan Bôrit (852-859) đã nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này và năm 865 ông đã công nhận Cơ đốc giáo làm quốc giáo của Bungari. Bungari có giáo hội và giáo chủ riêng. Được bình đẳng về tín ngưỡng với thế giới «văn minh» đương thời, Nhà nước Bungari ngày càng có uy tín trong các nước phong kiến ở châu Âu. Nhưng nhân dân Bungari còn phải đấu tranh cho sự bình đẳng giữa ngôn ngữ Slavơ với các thứ ngôn ngữ «văn minh» khác, nhất là đấu tranh chống lại sự độc quyền của văn tự Hy Lạp, một thứ văn tự không được phổ biến rộng rãi trong nhân dân, song lại được coi là thứ văn tự chính thống ở Bungari.

Muốn vậy phải sáng tạo ra chữ viết Slavơ. Sự nghiệp to lớn, vinh quang ấy đã được hai anh em người Slavơ là Xirin và Mêtôdiút và những người học trò xuất sắc của hai ông hoàn thành vào thế kỷ thứ 9. Ngôn ngữ văn tự Slavơ đã chiến thắng ngôn ngữ, văn tự Hy Lạp và nó trở thành thứ ngôn ngữ, văn tự chính thống của Nhà nước và Nhà thờ Bungari. Thành tựu này mở đầu cho sự phát triển rực rỡ chưa từng thấy của nền văn hóa Bungari và có tác động sâu sắc đến các nước Slavơ khác.

Sau một thời kỳ phát triển cực thịnh ở thế kỷ thứ 10, Nhà nước phong kiến Bungari bắt đầu suy yếu vì những mâu thuẫn nội bộ của nó: giai cấp phong kiến ra sức bóc lột, hằn thù hóa quần chúng nông dân, bọn lãnh chúa phong kiến không chịu phục tùng chính quyền trung ương, những phong trào nông dân khởi nghĩa liên tiếp nổ ra; đáng chú ý nhất là phong trào Bôgôminxtvô. Tất cả những sự kiện nói trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho đế quốc Bydăngtin tìm cách xâm lược Bungari. Mặc dù khi được, khi thua, nhân dân Bungari không bao giờ chịu khuất phục quân xâm lược, năm 986 họ đã đánh thắng quân của Hoàng đế Bydăngtin Badin 2. Mãi đến năm 1014 triều đình Côngtăngxtinốp mới dám đánh trả thù Bungari và đến năm 1018, Bungari mới bị chiếm đóng hoàn toàn, chấm dứt 350 năm tồn tại của Vương quốc Bungari. Nhưng trên đất nước Bungari anh hùng, những cuộc nổi dậy vẫn liên tiếp nổ ra trong những năm 1040, 1072, 1074, 1079, 1084... và đến năm 1185 toàn bộ miền Bắc Bungari đã khởi nghĩa. Năm 1187, Bydăngtin thua trận buộc phải ký hòa ước, mở đầu cho thời kỳ tái sinh lần thứ nhất của Nhà nước Bungari độc lập sau 170 năm bị nước ngoài chiếm đóng.

Từ đó cho đến khi đất nước bị rơi vào tay đế quốc Ôttôman (1396), Bungari lại trải qua hai thế kỷ thăng trầm với những cuộc chiến

dấu liên tục xen kẽ với những hoạt động ngoại giao không ngừng để bảo đảm cho Bungari có thể tồn tại trong vùng Bancăng luôn luôn bị những thế lực xâm lược, hành trướng từ bên ngoài uy hiếp. Đáng chú ý nhất trong thời kỳ này là chiến thắng của Bungari đối với quân đội Latinh (1205) và cuộc khởi nghĩa nông dân chống phong kiến do Ivailô lãnh đạo. Cuộc khởi nghĩa này là cuộc khởi nghĩa nông dân có quy mô lớn và có tổ chức sớm nhất ở châu Âu, đã giành và giữ được chính quyền trong cả nước trong 3 năm (1277 - 1280), đã có công chặn đứng làn sóng Tàcta trên đất nước Bungari và làm giảm sức ép của chúng ở vùng Bancăng và Trung Âu.

Sau cuộc khởi nghĩa của Ivailô, Nhà nước Bungari ngày càng suy yếu dần. Vào giữa thế kỷ thứ 14, lợi dụng sự xâu xé lẫn nhau giữa 40 nhà nước phong kiến nhỏ vùng Bancăng, đế quốc Ôttôman đã xâm lược vùng này. Nhân dân Bungari đã chiến đấu chống ngoại xâm rất anh dũng, lâu dài và sau hàng mấy chục năm tiến hành xâm lược, quân đội Thổ Nhĩ Kỳ mới chiếm được toàn bộ đất nước Bungari (1396).

Trong suốt 5 thế kỷ sống rên xiết dưới ách thống trị tàn bạo của đế quốc Ôttôman, nhân dân Bungari vẫn không ngừng đứng lên chống lại quân xâm lược từ những hình thức đấu tranh thấp như di cư, trốn tránh lao dịch đến những hình thức đấu tranh cao hơn là khởi nghĩa vũ trang: những phong trào kháng chiến tự phát của quần chúng nhân dân với những đội du kích mang lá cờ xanh thêu hình sư tử xuất hiện ở khắp nước. Mặc dù bị đàn áp, khủng bố tàn khốc, phong trào khởi nghĩa vẫn liên tiếp nổ ra. Năm thế kỷ chống đế quốc Ôttôman có thể được coi là một chương bi hùng tráng nhất trong lịch sử trường ca anh hùng chống ngoại xâm của nhân dân Bungari.

Từ cuối thế kỷ thứ 18, tình hình kinh tế - xã hội ở Bungari có nhiều thay đổi. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện và giai cấp tư sản Bungari đã hình thành. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Bungari mới ra đời đã vấp phải một trở lực lớn lao là chế độ phong kiến chuyên chế Ôttôman. Mâu thuẫn sâu sắc đó càng nâng cao tinh cảm dân tộc và chủ nghĩa yêu nước của giai cấp tư sản Bungari và nhân dân Bungari. Người đầu tiên nêu lên hệ tư tưởng và những nguyện vọng của giai cấp tư sản Bungari là Paysi Khilendăski. Ông đã viết cuốn «Lịch sử Bungari»

nhằm nêu lên quá trình lịch sử Bungari, ca ngợi những thành tựu của dân tộc và kêu gọi nhân dân Bungari đấu tranh cho sự nghiệp phát triển của dân tộc mình.

Bước sang thế kỷ thứ 19, cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Bungari phát triển lên một giai đoạn cao hơn. Cuộc đấu tranh đã triển khai trên cả ba mặt trận: đấu tranh cho một nền văn hóa và giáo dục dân tộc (với phong trào Khai sáng, với việc thành lập hàng loạt trường học ở Bungari giảng dạy theo những chương trình đáp ứng yêu cầu của nền giáo dục dân tộc), đấu tranh cho một giáo hội dân tộc (chống lại sự lệ thuộc vào giáo hội Hy Lạp), và đấu tranh vũ trang. Ngày càng có nhiều người Bungari hướng về nước Nga bởi vì nước Nga có mâu thuẫn với đế quốc Ottoman mà mâu thuẫn này lại trùng hợp với lợi ích của nhân dân các nước vùng Bancăng muốn có một nước đồng minh trong việc chống lại kẻ thù không đội trời chung với họ; mặt khác vì quân đội Nga có đủ sức mạnh đập tan quân đội Thổ Nhĩ Kỳ. Trong các cuộc chiến tranh của Nga chống Thổ Nhĩ Kỳ vào cuối thế kỷ thứ 18 và trong thế kỷ thứ 19, hàng vạn người Bungari đã sát cánh chiến đấu bên cạnh quân đội Nga với ý thức chống lại kẻ thù của dân tộc mình. Nhân dân Bungari cũng liên tiếp khởi nghĩa vũ trang trong những năm 1835, 1836, 1841, 1850, v.v... mà đỉnh cao là ngày 14-7-1876 cuộc khởi nghĩa đã bùng nổ ở một thành phố nhỏ trên núi thuộc chiến khu Panaghiurisotê và nhanh chóng lan khắp chiến khu và cả thành phố Plôđip. Nhưng do tương quan lực lượng giữa nghĩa quân và quân địch quá chênh lệch, cuộc khởi nghĩa Tháng Tư năm 1876 đã thất bại. Rất nhiều thành phố, làng mạc, nhà thờ, trường học bị san bằng. Nhân dân không kể già trẻ, gái, trai bị bắt, bị chém giết hoặc bị thiêu sống hàng loạt. Những hành động trả thù tàn bạo của Thổ Nhĩ Kỳ ở Bungari đã bị dư luận tiến bộ ở châu Âu phản đối mạnh mẽ. Do quyết tâm giành độc lập dân tộc của nhân dân Bungari, do sức ép của dư luận tiến bộ và được sự giúp đỡ của nước Nga, Hội nghị cấp đại sứ của các cường quốc họp ở Côngxtăngtinôp vào tháng 12-1876 đã quyết định trao quyền tự trị cho nước Bungari. Nhưng sau đó do sự chia rẽ giữa các cường quốc, Thổ Nhĩ Kỳ đã bác bỏ Nghị quyết của Hội nghị này. Vì vậy ngày 12-4-1877 Nga tuyên chiến với Thổ Nhĩ Kỳ. Nhân dân Bungari đã nhiệt liệt ủng hộ quân đội Nga. Liên quân Nga - Bungari đã chiến thắng lớn quân Thổ Nhĩ Kỳ (9-11/8/1877). Ngày 19-2-1878 Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ buộc phải ký hòa ước Xan Xtêphanô quyết định thành lập Nhà nước Bungari tự trị. Thế là sau 5 thế kỷ

bị đế quốc Ottoman thống trị, Bungari đã được giải phóng.

Để ngăn chặn ảnh hưởng của nước Nga ở vùng Bancăng, các chính phủ Áo - Hung bèn gây sức ép buộc triệu tập Hội nghị Béclin (6-1878) để xét lại Hiệp ước Xan Xtêphanô. Do đó Hiệp ước Béclin ký ngày 1-7-1878 đã quyết định cắt nước Bungari làm ba phần.

Nước Bungari về cơ bản được giải phóng, nhưng nhân dân Bungari còn phải tiếp tục cuộc đấu tranh để thu hồi lại những phần lãnh thổ bị Hiệp ước Béclin chia cắt, để thống nhất lại trong một Tổ quốc thân yêu.

Cuộc chiến tranh Nga - Thổ trong những năm 1877, 1878 giải phóng Bungari khỏi đế quốc Ottoman đã đóng vai trò một cuộc cách mạng dân chủ tư sản trong lịch sử của nước này. Nhưng mặc dù đi theo con đường tư bản chủ nghĩa Bungari vẫn là một nước kinh tế chậm phát triển với nền sản xuất nhỏ chiếm ưu thế, giai cấp công nhân chỉ mới hình thành. Trong tình hình đó, những nhà lý luận và tư tưởng đại biểu cho lợi ích của giai cấp tư sản và tiêu tư sản ra sức phủ nhận khả năng vận dụng chủ nghĩa Mác và làm cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Bungari. Tình hình khách quan phức tạp ấy cũng phản ánh vào nội bộ phong trào xã hội chủ nghĩa của nước này với những khuynh hướng như dân túy, xã hội chủ nghĩa không tưởng, vô chính phủ, v.v... Nhưng trái lại Dimitơ Blagôép, « người học trò vĩ đại nhất của Mác ở vùng Bancăng vào cuối thế kỷ thứ 18 đầu thế kỷ thứ 19 này », đã chứng minh rằng quy luật phổ biến về sự vận động của xã hội loài người không hề loại trừ nước Bungari, rằng cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Bungari là tất yếu và giai cấp công nhân Bungari sẽ đảm đương sứ mệnh lịch sử nặng nề, vinh quang ấy.

Do thấm nhuần sâu sắc tinh thần cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác, cũng như biết vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác vào hoàn cảnh cụ thể của nước Bungari lúc ấy, ngày 2-8-1891 trên đỉnh núi Budolútgia, Blagôép và hàng chục người mác xít chân chính khác ở Bungari đã thành lập ra Đảng Xã hội - Dân chủ Bungari, một đảng mác xít cách mạng của giai cấp công nhân Bungari. Sự ra đời của Đảng này như đồng chí Tôđô Gipeốp, Tổng Bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Bungari đã nói: nó đã bắt đầu « ngày đầu tiên vĩ đại của phong trào cộng sản Bungari ». Đến năm 1894 Đảng Xã hội - Dân chủ Bungari lại đổi tên là Đảng Công nhân Xã hội - Dân chủ Bungari (xã hội chủ nghĩa cánh tả).

Ngay từ khi mới thành lập, Đảng Công nhân Xã hội — Dân chủ Bungari đã đề ra cho Đảng nhiệm vụ chiến lược là tổ chức và giáo dục công nhân Bungari theo tinh thần của chủ nghĩa Mác và chuẩn bị cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong lai ở Bungari qua con đường đấu tranh không thỏa hiệp trên tất cả các mặt trận tư tưởng, kinh tế, chính trị chống lại giai cấp tư sản. Trong quá trình trưởng thành này, những người mác xít chân chính ở Bungari đã phải không ngừng đấu tranh chống lại sự tiến công của giai cấp tư sản và chống lại chủ nghĩa cơ hội dù mọi màu sắc đề củng cố Đảng về tổ chức, tư tưởng.

Mặt khác, Đảng Công nhân Xã hội — Dân chủ Bungari cũng nêu cao tinh thần quốc tế vô sản ngay từ đầu khi Đảng tuyên bố là « một bộ phận hợp thành của phong trào xã hội dân chủ thế giới ». Và khi Quốc tế Cộng sản thành lập, Đảng đã chống lại một cách thẳng lợi áp lực của Quốc tế thứ hai và gia nhập ngay Quốc tế Cộng sản mà không bị phân liệt về tổ chức.

Đảng Công nhân Xã hội — Dân chủ Bungari còn tố cáo chính sách hiếu chiến và bá quyền, chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa sô vanh và chủ nghĩa phục thù của giai cấp tư sản ở Bungari và ở các nước khác vùng Bancăng, chúng liên minh với các thế lực quân chủ âm mưu kích động hằn thù giữa các dân tộc ở trong vùng và chia rẽ giai cấp vô sản ở các nước này, hòng đẩy họ đến chỗ tiêu diệt lẫn nhau. Đảng đã trở thành linh hồn của những lực lượng xã hội — dân chủ của các nước vùng Bancăng chống lại chủ nghĩa quân phiệt, chủ nghĩa xã hội sô vanh và chiến tranh đế quốc (chiến tranh Bancăng, Đại chiến thứ nhất).

Dưới ảnh hưởng lớn lao của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại thành công, tháng 5-1919 Đại hội lần thứ 22 của Đảng Công nhân Xã hội — Dân chủ Bungari được triệu tập và Đại hội đã quyết định đổi tên thành Đảng Cộng sản Bungari, thông qua Cương lĩnh hành động mới của Đảng, trong đó thể hiện việc Đảng vận dụng một cách sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Lênin vào thực tiễn đấu tranh cách mạng của Bungari.

Nhờ thấm nhuần sâu sắc chủ nghĩa Lênin, nhờ học tập những bài học kinh nghiệm cách mạng của Đảng bôn-sê-vich Nga, Đảng cộng sản Bungari đã biết phát huy truyền thống đấu tranh và bản chất cách mạng của mình, khắc phục những khuyết, nhược điểm ban đầu, và ngày càng nắm vững ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Bungari. Trong cuộc khởi nghĩa vũ trang chống phát xít tháng 9-1923 ở Bungari, Đảng đã trở thành ngọn cờ lãnh đạo phong trào. Mặc dù cuộc khởi nghĩa vũ trang chống phát xít sớm nhất trên thế giới này bị thất

bại và bị khủng bố dữ dội. Đảng phải rút vào hoạt động bí mật trong 20 năm trời, nhưng đã tạo thêm những tiền đề và những điều kiện để Đảng bôn-sê-vich hóa, củng cố sự đoàn kết trong nội bộ Đảng, tăng cường tập hợp xung quanh Đảng những lực lượng chống phát xít, những lực lượng tiến bộ, thắt chặt khối liên minh công nông, định hướng và lái con thuyền cách mạng Bungari vượt qua những gian lao, những thử thách của những năm tháng sống dưới ách độc tài, quân phiệt phát xít dẫm máu.

Tại Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ bảy, với danh nghĩa là Tổng Bí thư Quốc tế Cộng sản, Gheorghi Dimitốp, lãnh tụ bất diệt, người thầy vĩ đại của Đảng Cộng sản Bungari⁽¹⁾, một trong những nhà hoạt động lỗi lạc nhất của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đã đề ra chiến lược mới và sách lược mới cho các Đảng Cộng sản và các Đảng Công nhân là đấu tranh chống lại sự tiến công của chủ nghĩa phát xít quốc tế và nguy cơ của Đại chiến thế giới thứ hai.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Bungari họp đầu tháng 2-1936 và những hoạt động rộng lớn của Đảng nhằm thực hiện những Nghị quyết của Hội nghị ấy; đó là vũ trang lại cho những lực lượng cách mạng chân chính trong phong trào xã hội — dân chủ Bungari những tư tưởng của chủ nghĩa Lênin, biến Đảng Cộng sản Bungari thành một Đảng kiểu mới lêninist của giai cấp công nhân.

Khi Đại chiến thứ hai bùng nổ, nhất là khi phát xít Đức tấn công Liên Xô (ngày 22-6-1941), Đảng Cộng sản Bungari đã ra lời kêu gọi lên án cuộc chiến tranh này (ngày 22-6-1941) và ngày 24-6-1941 Bộ Chính trị của Đảng họp đã thông qua Nghị quyết tổ chức cuộc đấu tranh vũ trang chống bọn chiếm đóng quốc xã và bọn tay sai Bungari, đề lật đổ chế độ độc tài, phát xít và thành lập chính quyền dân chủ nhân dân ở Bungari. Theo sáng kiến của Đảng Cộng sản Bungari, tháng 7-1942 Mặt trận Tổ quốc Bungari ra đời nhằm đoàn kết tất cả những lực lượng yêu nước, tiến bộ chống chiến tranh thế giới thứ hai, chống chính quyền phát xít

(1) Trong phiên tòa phát xít ở Laich (Đức), G. Dimitốp đã lên tiếng tố cáo bọn phát xít, bảo vệ danh dự cho Đảng Cộng sản Bungari và cho dân tộc Bungari. Ông chỉ nói « Một dân tộc đã từng 500 năm sống dưới ách thống trị của nước ngoài mà không bị mất đi tiếng nói, dân tộc tính của mình... thì dân tộc ấy không phải là dân tộc man rợ. Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân Bungari chúng tôi đã và đang chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít ở Bungari và vì chủ nghĩa cộng sản ».

Bungari, và thành lập chính quyền cách mạng ở nước này. Phong trào chiến tranh du kích ở Bungari bắt đầu từ mùa hè năm 1941, ngày càng phát triển đến quy mô lớn trong những năm 1943, 1944. Quân du kích đã tiến hành hàng ngàn trận chiến đấu và hoạt động phá hoại, gây cho những địch tổn thất hết sức to lớn, làm sa lầy 100.000 quân chính quy của chúng đóng ở Bungari để đối phó với «mặt trận bên trong» ở nước này.

Bị dồn vào thế bí, chính quyền phát xít ở Bungari tìm cách cầu kết với Anh-Mỹ để ngăn cản không cho Hồng quân Liên Xô tiến vào giải phóng Bungari và đề dập tắt phong trào chiến tranh du kích do Đảng Cộng sản Bungari lãnh đạo, tổ chức. Chúng bèn thay đổi chính phủ và tuyên bố «trung lập» đối với tất cả các nước đang tham chiến.

Nhưng âm mưu thâm độc của chúng bị phá sản hoàn toàn. Cho tới cuối tháng 8 đầu tháng 9 năm 1944 ở Bungari đã xuất hiện đầy đủ những điều kiện chủ quan và khách quan chín muồi cho cuộc một tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Nhận thức rõ tình hình thuận lợi ấy, ngày 26-8-1944 Đảng Cộng sản Bungari đã ra Chỉ thị đánh đổ chính quyền phát xít Bungari, thành lập chính phủ của Mặt trận Tổ quốc. Ngày 8-9-1944 Hồng quân Liên Xô vượt biên giới giữa Rumania và Bungari, tiến vào giải phóng Bungari. Di tới đầu Hồng quân Liên Xô cũng được nhân dân và cả những đơn vị quân đội Bungari được chính phủ phát xít điều động đến để chống lại Hồng quân, reo mừng chào đón.

Đêm 8-9-1944 dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Bungari, các đơn vị du kích và các đơn vị quân đội đã trở về với cách mạng chiếm các cơ quan chính quyền và bắt giữ những thành viên của chính phủ phản động ở Xôphiá. Ngày 9-9-1944 chính phủ cách mạng của Mặt trận Tổ quốc Bungari ra đời và lập tức tuyên chiến với nước Đức quốc xã. Một đội quân tình nguyện của Bungari gồm có 120.000 người được thành lập và đã tham gia chiến đấu giải phóng Nam Tư và Hunggari.

Thắng lợi lịch sử ngày 9-9-1944 có ý nghĩa lịch sử vô cùng trọng đại trong lịch sử đấu tranh lâu dài và gian khổ của nhân dân Bungari chống chủ nghĩa phát xít. Để giành được thắng lợi lớn lao này, nhân dân Bungari đã phải tổ chức 4 lần khởi nghĩa vũ trang, hơn 3000 cuộc bãi công và nhiều trận chiến đấu quyết liệt, hơn 200.000 chiến sĩ Bungari chống phát xít đã bị tù đầy và hơn 60.000 người đã hy sinh anh dũng trong chiến đấu.

Sau khi giải phóng đất nước khỏi chế độ phát xít tàn bạo, nhiệm vụ chủ yếu của

nhân dân Bungari, của những người cộng sản Bungari là phải thiết lập nền chuyên chính vô sản ở Bungari dưới hình thức dân chủ nhân dân và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Bungari để đảm bảo cho chính quyền cách mạng thực sự thắng lợi trên đất nước này và tiến lên xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Mặt khác chính quyền cách mạng ở Bungari còn có nhiệm vụ khôi phục lại nền kinh tế quốc dân sau những năm dài bị chiến tranh tàn phá, và phát triển nó lên một cách nhanh chóng đáp ứng đầy đủ nhất những yêu cầu của sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

Xuất phát từ những nhiệm vụ cấp bách nói trên và từ tình hình thực tế của Bungari trong những năm sau Đại chiến thứ hai, chính phủ cách mạng của Mặt trận Tổ quốc Bungari đã dập tan bộ máy chính quyền phát xít từ cấp cơ sở đến trung ương, giải tán quân đội, công an, cùng những cơ quan thông tin, tuyên truyền của chính quyền cũ; thành lập các cơ quan chính quyền mới, quân đội nhân dân, công an nhân dân và những tổ chức, những đoàn thể quần chúng v.v... Do đạt được những thành quả cách mạng bước đầu này, Mặt trận Tổ quốc Bungari được quần chúng thực sự tin yêu, ủng hộ. Ngày 18-11-1945 trong cuộc bầu cử Quốc hội ở Bungari Mặt trận Tổ quốc đã giành được thắng lợi lớn với 88% số phiếu bầu (1) Ngày 8-9-1946 Quốc hội Bungari tiến hành cuộc trưng cầu dân ý về vấn đề chế độ chính trị hiện nay của đất nước, và kết quả là đã có 91,57% số cử tri trong cả nước tham gia cuộc trưng cầu dân ý này và 92,72% trong số cử tri ấy bỏ phiếu tán thành xây dựng chế độ cộng hòa nhân dân ở Bungari. (2) Ngày 15-9-1946 Bungari tuyên bố thành lập nền cộng hòa nhân dân và ngày 4-12-1947 Quốc hội Bungari thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước Bungari mới. Bản Hiến pháp này là một thành quả cách mạng to lớn của nhân dân Bungari trải qua mấy chục năm đấu tranh gian khổ, anh dũng dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản chân chính và Đảng tiên phong của giai cấp công nhân Bungari. Bản Hiến pháp nhằm củng cố chế độ dân chủ nhân dân mới được thiết lập ở Bungari và đảm bảo quyền làm chủ bộ máy Nhà nước của nhân dân Bungari, tạo ra những tiền đề vững chắc cho sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước này.

(1) «Tóm tắt lược sử Bungari» (Tiếng Bungari) — Nhà xuất bản Khoa học và Nghệ thuật. Xôphiá 1958, tr. 347.

(2) «Tóm tắt lược sử Bungari». Sách đã dẫn, tr. 347.

Đi đôi với việc củng cố chế độ dân chủ nhân dân về mặt chính trị, Đảng Cộng sản Bungari cũng nêu bật lên một trong những nhiệm vụ mới của Đảng lúc ấy là khôi phục, phát triển kinh tế, xóa bỏ tận gốc sự bóc lột và những giai cấp bóc lột, xây dựng và củng cố nền kinh tế dân chủ nhân dân, chuẩn bị những điều kiện vật chất cho việc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Bungari. Quốc hội Bungari lần lượt thông qua đạo luật về kế hoạch kinh tế hai năm 1947-1948 (ngày 1-4-1947), đạo luật quốc hữu hóa các xí nghiệp công nghiệp, xí nghiệp mỏ, ngân hàng tư nhân, của giai cấp tư sản, và đạo luật thu mua đại gia súc (tháng 12-1947); tất cả đều nhằm những mục đích nói trên. Nhờ sự lao động quên mình, đến năm 1948 nhân dân Bungari đã đạt được những kết quả đáng phấn khởi: sản phẩm công nghiệp năm 1948 tăng 40% so với năm 1947, sản xuất công nghiệp tăng 71,5% so với thời kỳ trước chiến tranh (1). Trong Đại hội lần thứ năm của Đảng Cộng sản Bungari, đồng chí G. Đimitorốp đã nhấn mạnh: « Cần phải thông qua công nghiệp hóa, điện khí hóa toàn quốc và cơ giới hóa nông nghiệp để trong một thời gian từ 15 đến 20 năm chúng ta phải đạt được cái mà các nước khác ở điều kiện khác phải mất một thế kỷ ». Đại hội Đảng lần thứ năm cũng thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1948-1953). Dưới sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng, với tinh thần hăng say lao động của nhân dân và nhờ sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô, Bungari đã thực hiện kế hoạch 5 năm này trong 4 năm 3 tháng, và ở nhiều ngành, kế hoạch ấy chỉ thực hiện trong 3 năm.

Với thắng lợi rực rỡ ấy, Đại hội lần thứ sáu của Đảng Cộng sản Bungari đã thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1953-1957).

Để đánh dấu một giai đoạn chuyển biến mới trong sự phát triển của đất nước và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Bungari đã họp vào tháng 4-1956. Với một sức mạnh mới, Hội nghị đã thể hiện lại những đặc trưng của Blagôép, Đimitorốp; đó là mối liên kết vững chắc với nhân dân, tinh nguyên tắc sâu đậm, đấu tranh không khoan nhượng với bất cứ khuynh hướng lệch lạc nào trái với chủ nghĩa Mác-Lênin, tuyệt đối trung thành với giai cấp công nhân, có lòng tin vững chắc vào nhân dân lao động, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng. Sau Hội nghị tháng Tư, Đảng Cộng sản Bungari đã đề ra những quan niệm mới về sự phát triển toàn bộ hệ thống xã hội xã hội chủ nghĩa.

Đại hội lần thứ bảy của Đảng (tháng 6-1958) đánh dấu việc hoàn thành giai đoạn quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Bungari.

Đại hội lần thứ tám của Đảng (năm 1962) đã kết luận rằng chủ nghĩa xã hội đã hoàn toàn thắng lợi trên « đất nước hoa hồng ».

Đại hội lần thứ chín của Đảng (năm 1966) lại vạch ra những nhiệm vụ về việc nâng cao trình độ lãnh đạo khoa học của Đảng và đường lối chuyển tiếp từ việc phát triển theo chiều rộng sang chiều sâu và áp dụng triệt để hệ thống lãnh đạo mới của nền kinh tế quốc dân cũng như hoàn thiện tất cả những thành phần của hệ thống xã hội ở Bungari. Như vậy là trong những năm cuối thập niên 60 này đã tạo ra những điều kiện thực tiễn để chuyển nước Bungari sang giai đoạn xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển.

Đến Đại hội lần thứ mười của Đảng (năm 1971), Đảng lại thông qua Cương lĩnh mới: việc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển được khẳng định là « nhiệm vụ lịch sử trực tiếp của Đảng Cộng sản Bungari ».

Tại Đại hội lần thứ mười một của Đảng (năm 1976), Đảng Cộng sản Bungari một lần nữa lại xác định rõ nhiệm vụ lịch sử trực tiếp của Đảng là « xây dựng thành công xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển và chuẩn bị bước quá độ tiến lên chủ nghĩa cộng sản » (2).

Trong 25 năm qua thực hiện đường lối của Hội nghị tháng Tư năm 1956 nhân dân Bungari đã đạt được những thành tích to lớn trong tất cả những lãnh vực xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Từ một nước nghèo nàn lạc hậu, ngày nay Bungari đã trở thành một nước có công nghiệp, nông nghiệp hiện đại khoa học - kỹ thuật tiên tiến, văn hóa phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng nâng cao, đứng vào hàng những nước tiên tiến trên thế giới. Chỉ xin nêu lên một vài con số nói lên niềm tự hào chính đáng ấy của nhân dân Bungari anh em: sản xuất công nghiệp tăng gấp 70 lần, sản lượng điện tăng 108 lần, công nghiệp hóa chất tăng 460 lần, cơ khí chế tạo tăng 1130 lần. Nền nông nghiệp tập thể hóa, cơ giới hóa của Bungari năm 1980 làm ra tính theo đầu người là 910 kg ngũ cốc, 211 lít sữa, 82 kg thịt, 231 quả trứng, v.v... Tuổi thọ trung bình của người dân Bungari ngày nay là 71 tuổi. Lại tính riêng trong mười năm nay (1971-1981) thu nhập quốc dân của Bungari tăng gấp hơn hai lần,

(1) « Tóm tắt lược sử Bungari » - Sách đã dẫn, tr. 536.

(2) Tôđo Gipeóp. « Chủ nghĩa xã hội phát triển. Nhiệm vụ trực tiếp ». Tạp chí « Những vấn đề hòa bình và CNXH ». Số 6-1970, tr. 10

vốn đầu tư tăng lên 52 tỷ leva, vốn cơ bản tăng từ 33 tỷ leva (1970) lên 77 tỷ leva (1980). Kế hoạch 5 năm lần thứ bảy (1976 - 1980) đã góp phần to lớn vào việc xây dựng nền tảng của xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển ở Bungari. Tổng sản phẩm công nghiệp tăng 35%, sản phẩm của ngành chế tạo máy tăng 56,2%, điện tăng 35%, luyện kim tăng 18%, công nghiệp hóa chất tăng 52,9%, tổng sản phẩm công nghiệp tăng 12%. Thu nhập thực tế tính theo đầu người tăng 12,7%. Trong 10 năm qua một đội ngũ cán bộ trẻ tuổi có trình độ đại học và trung cấp chuyên nghiệp đã được đào tạo lên tới 607.000 người, số cán bộ trong các trường kỹ thuật chuyên nghiệp là 409.000 người.

Nói tóm lại trong 25 năm qua kể từ Hội nghị tháng Tư năm 1956, và đặc biệt là trong 10 năm đầu thực hiện những nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội do Đại hội lần thứ mười của Đảng đề ra (năm 1971), nhân dân Bungari đã xây dựng được thêm « một nước Bungari thứ hai » nữa, như đồng chí Tôđo Gipeốp, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã khẳng định.

Trong niềm phấn khởi hết sức lớn lao của nhân dân Bungari kỷ niệm lần thứ 1300 năm thành lập Nhà nước Bungari (năm 681), kỷ niệm lần thứ 90 ngày thành lập Đảng Cộng sản Bungari (năm 1891), Đại hội lần thứ 12 của Đảng Cộng sản Bungari họp đã đề ra nhiệm vụ kinh tế - xã hội chủ yếu trong kế hoạch 5 năm lần thứ tám. (1981-1985) là tiếp tục đường lối thỏa mãn những nhu cầu về tinh thần và vật chất ngày càng tăng của nhân dân trên cơ sở phát triển nền kinh tế quốc dân theo chiều sâu, áp dụng biện pháp kinh tế mới mà hạt nhân là hạch toán kinh tế và hoàn thiện các quan hệ xã hội xã hội chủ nghĩa. Tại Đại hội này, đồng chí Tôđo Gipeốp, Tổng Bí thư Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Bungari đã nói: « Công cuộc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển ở Bungari từ nay về sau sẽ được tiến hành trên cơ sở của một tiềm năng kinh tế và tinh thần vô cùng to lớn đã được tạo ra trong quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, trong những điều kiện các quan hệ xã hội xã hội chủ nghĩa đã đạt đến một trình độ chín muồi cao hơn, hoạt động của nhân dân trong lãnh vực lao động và xã hội được đẩy mạnh hơn ».

Xuất phát từ những sự tính toán khoa học, kế hoạch 5 năm tới ở Bungari dự tính tăng thu nhập quốc dân lên 28% - 30%, sản xuất công nghiệp tăng 30% - 35%, nông nghiệp tăng 20% - 22%, năng suất lao động trong nền kinh tế quốc dân sẽ tăng 30% - 35%, thu nhập thực

tế của người lao động tăng 16% - 18%. Đây là một kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội lớn, nó đòi hỏi sự nỗ lực vượt bậc của toàn thể nhân dân Bungari. Trong « Lời kêu gọi » của Đảng Cộng sản, Nhà nước và các tổ chức, các đoàn thể ở Bungari gửi đến nhân dân trong cả nước nhân dịp kỷ niệm lần thứ 1300 việc thành lập Nhà nước Bungari, có đoạn: « Chúng ta hãy tự đặt cho mình nhiệm vụ lao động xung kích với hiệu suất cao nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1981, năm đầu tiên của kế hoạch 5 năm lần thứ tám đề nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ». Đáp lại lời kêu gọi nói trên, chỉ tính riêng trong 6 tháng đầu năm 1981, nhân dân Bungari đã thực hiện thành công kế hoạch nửa năm đầu này. Điều đó chứng minh rằng nhân dân Bungari đã tin tưởng ngay từ đầu và quyết tâm thực hiện và thực hiện vượt mức kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ tám.

Trong lịch sử 1300 năm tồn tại của Nhà nước Bungari thì quãng thời gian 37 năm xây dựng đất nước của chính quyền cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Bungari chỉ là một thời kỳ ngắn ngủi, nhưng nó lại rất vẻ vang và có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Bungari đã vươn tới đỉnh cao nhất của sự phát triển, đã tiến một bước không lồ về phía trước, đi từ chiếc bừa cổ thô sơ đến vệ tinh « Intecôtxmốt Bungari 1300 » được trang bị máy móc hiện đại để nghiên cứu khoáng không gần quả đất.

Nhân dân Bungari đạt được những thành tựu lớn lao nói trên trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong mấy chục năm qua là nhờ có những nhân tố chủ quan và khách quan.

Trước hết, đó là nhờ có sức sống mãnh liệt của một dân tộc anh hùng, bất khuất trải qua 13 thế kỷ tồn tại từ ngày thành lập Nhà nước đến nay, mặc dù phải liên tiếp tiến hành những cuộc đấu tranh dựng nước, giữ nước cực kỳ gian khổ, phải sống 500 năm dưới ách thống trị tàn bạo của ngoại bang, phải qua những ngày đen tối dưới chế độ độc tài, phát xít; vẫn luôn luôn vươn lên phía trước, vẫn tìm ra con đường để tự giải phóng, để sống còn và phát triển.

Đó cũng là nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng Cộng sản Bungari, một đảng mácxít leninist chân chính đã được thành lập cách đây 90 năm, đã được bồi luyện và trưởng thành trong gần 1 thế kỷ qua lãnh đạo cách mạng Bungari, và đặc biệt là trong 37 năm lãnh đạo việc xây dựng nước Bungari xã hội xã hội chủ nghĩa. Đánh giá sự nghiệp cách mạng vẻ vang này của nhân dân Bungari dưới sự lãnh

đạo của Đảng Cộng sản Bungari, trong « Lời kêu gọi » của Đảng Cộng sản, Nhà nước, các đoàn thể, các tổ chức ở Bungari nhân dịp kỷ niệm 1300 năm thành lập Nhà nước Bungari. Có đoạn: « ... đó là cuộc cách mạng vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc ta; đó là thành quả tuyệt vời của giai cấp công nhân, của tất cả những người lao động, của Đảng Cộng sản Bungari ».

Ngoài ra, đó là nhờ có sự giúp đỡ, sự hợp tác toàn diện của nhân dân Liên Xô, của nhân dân các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa đối với nhân dân Bungari. Trong Đại

hội lần thứ mười hai của Đảng Cộng sản Bungari, một lần nữa Đại hội đã nhấn mạnh đến vị trí trung tâm trong chính sách đối ngoại của Đảng hiện nay là thiết lập quan hệ hữu nghị anh em, sự hợp tác toàn diện, sự xích lại gần nhau giữa Đảng Cộng sản Bungari, nước Cộng hòa nhân dân Bungari, nhân dân Bungari với Đảng Cộng sản Liên Xô, Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết, nhân dân Liên Xô; cũng như với Đảng, Nhà nước và nhân dân các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa anh em.



Là một nước ở bán đảo Bancăng đã thành lập nên Nhà nước độc lập, tự chủ của mình cách đây 1300 năm, trong suốt 13 thế kỷ tồn tại ấy nhân dân Bungari đã có một lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước rất vẻ vang; không bao giờ đi trệch mục tiêu Độc lập-Tự do của Tổ quốc, Nhân dân.

Và cũng như nhân dân Bungari anh em, nhân dân Việt Nam trong suốt 4000 năm lịch sử đã luôn luôn phải tiến hành cuộc đấu tranh dựng nước đi đôi với giữ nước, luôn luôn phải đấu tranh để tự giải phóng, để tự tồn tại và phát triển.

Xuất phát từ những diềm tương đồng trong lịch sử của hai nước, nhất là xuất phát từ chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản, Đảng, Chính phủ, và nhân dân Bungari anh em đã không ngừng củng cố, tăng cường quan hệ hữu nghị, quan hệ hợp tác, sự ủng hộ toàn diện đối với nhân dân ta.

Trong những cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ trước đây, chống bọn bành trướng Bắc Kinh hiện nay, và trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay, nhân dân ta luôn luôn được sự ủng hộ đầy nhiệt tình và sự giúp đỡ quý báu của Đảng, Chính phủ và nhân dân Bungari. Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hòa Nhân dân Bungari và Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cũng như những văn kiện khác được ký kết tại Hà Nội năm 1979 vừa qua trong cuộc đi thăm Việt Nam của Đoàn đại biểu Đảng và Nhà nước Bungari do đồng chí Tôđo Gipeốp, Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Bungari, Chủ tịch Hội đồng nhà nước nước Cộng hòa Nhân dân Bungari dẫn đầu là những biểu hiện tốt đẹp của tình đoàn kết, hữu nghị anh em giữa hai nước vì lợi ích của hai nước xã hội chủ nghĩa nói riêng, và cũng vì lợi ích của cả cộng đồng xã hội chủ nghĩa do Liên Xô vĩ đại đứng đầu nói chung.

Tháng IX-1981,